

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CR-604A INSTEAD.  
 LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CR-604A BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THẤY THỂ.

**STATE OF NORTH CAROLINA**  
**TIỂU BANG NORTH CAROLINA**

File No.  
Số Hồ Sơ

County \_\_\_\_\_ Seat of Court \_\_\_\_\_

Quận/Hạt \_\_\_\_\_ Thành Phố của Tòa Án \_\_\_\_\_

NOTE: Use AOC-CR-310 for DWI offenses.  
 LƯU Ý: Sử dụng AOC-CR-310 cho (các) vi phạm lái xe trong tình trạng không tỉnh táo.

In The General Court Of Justice  
 Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý

District  Superior Court Division  
 Phân Bộ Tòa Án  Khu Vực  Thượng Thẩm

**STATE VERSUS**  
**TIỂU BANG CHỐNG LẠI**

**JUDGMENT SUSPENDING SENTENCE - MISDEMEANOR**  
**PUNISHMENT:  COMMUNITY  INTERMEDIATE**  
**(STRUCTURED SENTENCING)**

(For Offenses Committed Before Dec. 1, 2009)

**PHÁN QUYẾT ÁN TREO - HÌNH PHẠT TIỂU HÌNH:**  
 **PHẠT TRONG CỘNG ĐỒNG**  **PHẠT TRUNG CẤP**  
**(TUYÊN ÁN THEO KHUNG PHẠT)**  
**(Dùng cho các tội vi phạm trước ngày 1 Tháng Mười Hai năm 2009)**

G.S. 15A-1341, -1342, -1343, -1343.2, -1346  
 G.S. 15A-1341, -1342, -1343, -1343.2, -1346

Name Of Defendant  
Tên bị cáo \_\_\_\_\_

Race  
Chủng tộc \_\_\_\_\_

Sex  
Giới tính \_\_\_\_\_

Date Of Birth (mm/dd/yyyy)  
Ngày sinh (tháng/ngày/năm) \_\_\_\_\_

Attorney For State  
Luật sư đại diện cho tiểu bang

Def. Found Not Indigent  
Bị cáo không phải là người nghèo

Def. Waived Attorney  
Bị cáo từ bỏ quyền có luật sư

Attorney For Defendant  
Luật sư của bị cáo

Appointed  
Được chỉ định

Retained  
Được thuê

Crt Rptr Initials  
Chữ ký tắt của tác ký viên

The defendant was found guilty/responsible, pursuant to  plea  pursuant to Alford  of no contest  trial by judge  trial by jury, of  
 Bị cáo đã được xác nhận có tội/chiu trách nhiệm thông qua việc  tự nhận tội  theo kiểu Alford  theo kiểu không chối tội  bị Tòa Án phán quyết có tội  bị bồi thẩm đoàn phán quyết có tội

File No.(s) (Các) Số hồ sơ	Off. Vi phạm	Offense Description Miêu tả vi phạm	Offense Date (mm/dd/yyyy) Ngày vi phạm (tháng/ngày/năm)	G.S. No. Số G.S.	CL. Bậc tội	*Pun. CL. *Bậc hình phạt

\*NOTE: Enter punishment class if different from underlying offense class (punishment class represents a status or enhancement).  
 \*LƯU Ý: Ghi bậc hình phạt nếu khác với bậc tội đã kết án (bậc hình phạt được áp dụng khi có tình trạng đặc biệt hoặc tình tiết tăng mức phạt).

The Court has determined, pursuant to G.S. 15A-1340.20, the number of prior convictions to be \_\_\_\_\_.  
 Chiều theo điều G.S. 15A-1340.20, Tòa Án đã xác nhận rằng số tiền án là \_\_\_\_\_.

Level:  I (0)  II (1-4)  III (5+)  
 Mức:  I (0)  II (1-4)  III (5+)

1. The Court finds:  (a) enhancement for  G.S. 90-95(e)(4) (drugs).  G.S. 14-3(c) (hate crime).  G.S. 14-50.22 (gang misdemeanor).  
 Tòa Án này xác nhận có:  (a) tình tiết tăng mức phạt theo  G.S. 90-95(e)(4) (ma túy).  G.S. 14-3(c) (tội phạm do lòng căm thù).  
 G.S. 14-50.22 (tội tiểu hình khi tham gia băng đảng).  (b) tình tiết tăng mức phạt từ bản án treo bắt buộc lên tội tiểu hình Bậc 2. G.S. 90-95(e)(7).  
 This finding is based on a determination of this issue by the trier of fact beyond a reasonable doubt or on the defendant's admission.  
 Xác nhận này căn cứ vào kết luận của người có trách nhiệm xác định các tình tiết của vụ án ngoài mức nghi vấn hợp lý, hoặc căn cứ vào lời thú nhận của bị cáo.
2. The Court imposes mandatory punishment pursuant to G.S. 14-33(d). (assault in the presence of a minor)  
 Tòa Án tuyên án hình phạt bắt buộc theo điều G.S. 14-33(d) (hành hung người khác trước mặt trẻ vị thành niên).
3. The Court finds the above-designated offense(s) is a reportable conviction under G.S. 14-208.6 and therefore imposes the special conditions of probation set forth on the attached AOC-CR-603A, Page Two, Side Two, and makes the additional findings and orders on the attached AOC-CR-615, Side Two.  
 Tòa Án xác nhận rằng (các) vi phạm được định rõ trên đây thuộc loại bản án phải báo cáo chiếu theo G.S. 14-208.6 và do đó áp đặt các điều kiện quản chế đặc biệt được ghi rõ ở Trang Hai, Mặt Hai của mẫu AOC-CR-603A được đính kèm, và cũng đưa ra các xác nhận và án lệnh thêm ở Mặt Hai của mẫu AOC-CR-615 đính kèm.
4. The Court finds the above-captioned offense(s) involved the (check all that apply)  physical or mental  sexual abuse of a minor  
 (If No. 3 not found) and therefore imposes the special conditions of probation set forth on the attached AOC-CR-603A, Page Two, Side Two.  
 Tòa Án xác nhận rằng (các) vi phạm trong vụ án nêu trên có liên quan đến (đánh dấu tất cả các ô thích hợp)  ngược đãi thể chất hoặc tâm lý  ngược đãi tình dục một trẻ vị thành niên  (nếu không xác nhận mục 3 trên) và do đó áp đặt các điều kiện quản chế đặc biệt được ghi rõ ở Trang Hai, Mặt Hai của mẫu AOC-CR-603A đính kèm.
5. The Court finds this is an offense involving assault, communicating a threat, or an act defined in G.S. 50B-1(a), and the defendant had a personal relationship as defined by G.S. 50B-1(b) with the victim.  
 Tòa Án này xác nhận rằng vi phạm này có liên quan đến hành vi hành hung, hăm dọa hoặc một hành vi khác được định nghĩa trong điều G.S.50B-1(a), và rằng bị cáo đã có quan hệ thân thiết như được định nghĩa trong G.S. 50B-1(b) với nạn nhân.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.  
 (Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.  
 (Xem mặt sau)

6. (offenses on or after Dec. 1, 2008, only) The Court finds that the above-designated offense(s) involved criminal street gang activity. G.S. 14-50.25.  
(Chỉ đối với các vi phạm vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười Hai, 2008) Tòa Án xác nhận rằng (các) vi phạm được định rõ trên có liên quan đến các hoạt động băng đảng phạm pháp. G.S. 14-50.25.
7. The Court finds that the defendant refused to consent to conditional discharge under G.S. 90-96(a).  
Tòa Án xác nhận rằng bị cáo không đồng ý áp dụng biện pháp xóa bỏ bản án có điều kiện chiếu theo điều G.S. 90-96(a).
8. The Court finds that this was an offense involving child abuse or an offense involving assault or any of the acts as defined in G.S. 50B-1(a) committed against a minor. G.S. 15A-1382.1(a1).  
Tòa Án xác nhận rằng vi phạm này có liên quan đến việc ngược đãi, hành hung trẻ em hoặc bất kỳ hành vi nào khác đối với trẻ em được định nghĩa trong G.S. 50B-1(a). G.S. 15A-1382.1(a1).

The Court, having considered evidence, arguments of counsel and statement of defendant, Orders that the above offenses, if more than one, be consolidated for judgment and the defendant be imprisoned for a term of \_\_\_\_\_ days in the custody of the: (check only one)  
Sau khi xem xét đầy đủ các bằng chứng, tranh luận của luật sư và lời khai của bị cáo, Tòa Án ra lệnh rằng các vi phạm trên (nếu có nhiều hơn một vi phạm) được gộp chung để phán quyết cùng lúc với nhau và bị cáo bị giam tù trong thời gian \_\_\_\_\_ ngày dưới sự quản lý của: (chỉ đánh dấu một ô)

Sheriff of \_\_\_\_\_ County.  Other: \_\_\_\_\_  
Cảnh Sát Trưởng Quận/Hạt \_\_\_\_\_ Nơi khác: \_\_\_\_\_

Misdemeanant Confinement Program (sentences greater than 90 days for which a facility is not otherwise specified above).  
Chương Trình Giam Giữ Người Phạm Tội Tiểu Hình (đối với các bản án lâu hơn 90 ngày mà không được chỉ định một cơ sở tù giam trên đây).

This sentence shall run at the expiration of sentence imposed in file number \_\_\_\_\_  
Bản án này sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày bị cáo thi hành xong bản án trong hồ sơ án số \_\_\_\_\_

The defendant shall be given credit for \_\_\_\_\_ days spent in confinement prior to the date of this Judgment as a result of this/these charge(s) to be applied toward the  sentence imposed above.  imprisonment required for special probation set forth on AOC-CR-603A, Page Two.  
Bị cáo được trừ \_\_\_\_\_ ngày đã bị giam trước ngày ra Phán Quyết đối với (các) tội trạng này. Số ngày đó được trừ vào  bản án nêu trên.  
 thời gian ở tù theo bản án kết hợp phạt tù và quản chế như được ghi ở Mặt Hai, mẫu AOC-CR-603A.

**SUSPENSION OF SENTENCE  
BẢN ÁN TREO**

Subject to the conditions set out below, the execution of this sentence is suspended and the defendant is placed on  
Theo các điều kiện liệt kê dưới đây, bị cáo được hưởng án treo và chịu lệnh quản chế

supervision  unsupervised probation for \_\_\_\_\_ months.  
có giám sát không có giám sát trong \_\_\_\_\_ tháng.

1. The Court finds that a  longer  shorter period of probation is necessary than that which is specified in G.S. 15A-1343.2(d).  
Tòa Án xác nhận cần có thời gian quản chế  lâu hơn  ngắn hơn thời gian quy định trong điều G.S. 15A-1343.2(d).

2. The Court finds that it is NOT appropriate to delegate to the Section of Community Corrections the authority to impose any of the requirements in G.S. 15A-1343.2(e) for community punishment or G.S. 15A-1343.2(f) for intermediate punishment.  
Tòa Án xác nhận rằng việc ủy quyền cho Phân Bộ Cải Hướng Tại Ngoại áp đặt các hình phạt trong cộng đồng theo G.S. 15A-1343.2(e) hoặc hình phạt trung cấp theo G.S. 15A-1343.2(f) là KHÔNG thích hợp.

3. This period of probation shall begin  when the defendant is released from incarceration  at the expiration of the sentence in the case below.  
Thời gian quản chế này sẽ bắt đầu  khi bị cáo được thả tù  khi bị cáo thi hành xong bản án trong vụ án dưới đây.

File No. Số hồ sơ	Offense Tội trạng	County Quận/hạt	Court Tòa án	Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)

4. The defendant shall comply with the conditions set forth in file number \_\_\_\_\_  
Bị cáo sẽ tuân theo các điều kiện được nêu trong hồ sơ số \_\_\_\_\_
5. The defendant shall provide a DNA sample pursuant to G.S. 15A-266.4. (AOC-CR-319 required)  
Bị cáo sẽ cung cấp một mẫu DNA chiếu theo điều G.S. 15A-266.4. (phải điền mẫu AOC-CR-319)

**MONETARY CONDITIONS  
CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ CHI PHÍ**

The defendant shall pay to the Clerk of Superior Court the "Total Amount Due" shown below, plus the probation supervision fee if placed on supervised probation above, pursuant to a schedule  determined by the probation officer.  set out by the court as follows: \_\_\_\_\_

Bị cáo sẽ thanh toán cho Lục Sự Tòa Thượng Thẩm số tiền ghi trong mục "Tổng số tiền phải trả" dưới đây, cộng với chi phí giám sát trong thời gian quản chế (nếu trên đây ghi là ra lệnh quản chế có giám sát)  theo lịch do nhân viên quản chế quyết định.  theo quy định của Tòa Án như sau: \_\_\_\_\_

Costs Án phí	Fine Tiền phạt	Restitution* Tiền bồi thường*	Attorney's Fees Chi phí luật sư	Comm Serv Fee Chi phí phục vụ cộng đồng	EHA Fee Lệ phí thiết bị điện tử theo dõi quản thúc tại gia (EHA)	SBM Fee Lệ phí theo dõi bằng vệ tinh (SBM)	Appt Fee/Misc Lệ phí xếp hẹn/Lệ phí khác	Total Amount Due Tổng số tiền phải trả
\$	\$	\$	\$	\$	\$	\$	\$	\$

\*See attached "Restitution Worksheet, Notice and Order (Initial Sentencing)," AOC-CR-611, which is incorporated by reference.  
\* Xem mẫu AOC-CR-611, "Bảng Tính Tiền Bồi Thường, Thông Báo và Lệnh (Tuyên Án Lần Đầu)," được hợp nhất vào lệnh này thông qua việc dẫn chiếu.

The Court finds just cause to waive costs, as ordered on the attached  AOC-CR-618.  Other: \_\_\_\_\_  
Tòa Án xác nhận rằng có cơ sở chính đáng để cho miễn đóng các chi phí theo lệnh ở mẫu đính kèm  AOC-CR-618.  Mẫu khác: \_\_\_\_\_

Upon payment of the "Total Amount Due," the probation officer may transfer the defendant to unsupervised probation.  
Khi "Tổng số tiền phải trả" được thanh toán đầy đủ, nhân viên quản chế có thể chuyển bị cáo sang diện quản chế không có giám sát.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.  
(Over)  
Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.  
(Xem mặt sau)

STATE VERSUS  
TIỂU BANG CHỐNG LẠI

File No.  
Số Hồ Sơ

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

REGULAR CONDITIONS OF PROBATION - G.S. 15A-1343(b)  
CÁC ĐIỀU KIỆN QUẢN CHẾ THÔNG THƯỜNG - G.S. 15A-1343(b)

**NOTE:** Any probationary judgment may be extended pursuant to G.S. 15A-1342. The defendant shall: (1) Commit no criminal offense in any jurisdiction. (2) Possess no firearm, explosive device, or other deadly weapon listed in G.S. 14-269. (3) Remain gainfully and suitably employed or faithfully pursue a course of study or vocational training, that will equip the defendant for suitable employment, and abide by all rules of the institution. (4) Satisfy child support and family obligations, as required by the Court.

If the defendant is on supervised probation, the defendant shall also: (5) Remain within the jurisdiction of the Court unless granted written permission to leave by the Court or the probation officer. (6) Report as directed by the Court or the probation officer to the officer at reasonable times and places and in a reasonable manner, permit the officer to visit at reasonable times, answer all reasonable inquiries by the officer and obtain prior approval from the officer for, and notify the officer of, any change in address or employment. (7) Notify the probation officer if the defendant fails to obtain or retain satisfactory employment. (8) At a time to be designated by the probation officer, visit with the probation officer a facility maintained by the Section of Prisons.

**LƯU Ý:** Bất kỳ lệnh quản chế nào đều có thể được gia hạn theo điều G.S. 15A-1342. Bị cáo phải: (1) Không phạm tội hình sự ở bất kỳ khu vực nào. (2) Không có súng, chất nổ hoặc bất kỳ vũ khí gây chết người nào khác được ghi trong điều G.S. 14-269. (3) Tiếp tục duy trì việc làm phù hợp và có lương, hoặc kiên trì theo đuổi một chương trình học tập hay huấn nghệ trang bị đầy đủ kiến thức để bị cáo có thể kiếm được việc làm phù hợp, và luôn tuân thủ tất cả các nội quy của nơi học tập. (4) Đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ gia đình và cấp dưỡng con, theo lệnh của Tòa Án.

Nếu bị cáo thuộc diện quản chế có giám sát thì cũng phải: (5) Không ra khỏi khu vực thẩm quyền của Tòa Án trừ phi được Tòa Án hoặc nhân viên quản chế cho phép bằng văn bản. (6) Tuân theo chỉ thị của Tòa Án hoặc nhân viên quản chế về việc trình diện cho nhân viên tại những thời điểm và địa điểm hợp lý cũng như bằng cách thức hợp lý; cho phép nhân viên thăm mình vào những thời điểm hợp lý; trả lời tất cả các câu hỏi duy trì của nhân viên; và thông báo để được nhân viên cho phép trước nếu cần thay đổi địa chỉ hoặc việc làm. (7) Thông báo cho nhân viên quản chế nếu bị cáo không tìm kiếm hoặc duy trì được công việc làm thỏa đáng. (8) Cùng với nhân viên quản chế đến thăm một cơ sở của Cục Quản Lý Nhà Tù vào thời gian do nhân viên quản chế chỉ định.

9. The Court finds that the defendant is responsible for acts of domestic violence and therefore makes the additional findings and orders on the attached AOC-CR-603A, Page Two, Side Two.  
Tòa Án xác nhận rằng bị cáo đã có hành vi bạo lực trong gia đình và do đó đưa ra các kết luận và lệnh bổ sung ở Mặt Hai, Trang Hai của mẫu AOC-CR-603A được đính kèm.

SPECIAL CONDITIONS OF PROBATION - G.S. 15A-1343(b1); 143B-704(c)  
CÁC ĐIỀU KIỆN QUẢN CHẾ ĐẶC BIỆT - G.S. 15A-1343(b1), 143B-704(c)

The defendant shall also comply with the following special conditions which the Court finds are reasonably related to the defendant's rehabilitation:

Bị cáo cũng phải tuân thủ các điều kiện đặc biệt dưới đây mà Tòa Án xác nhận là có liên quan hợp lý đến quá trình phục hồi, cải huấn bị cáo:

10. Surrender the defendant's drivers license to the Clerk of Superior Court for transmittal/notification to the Division of Motor Vehicles and not operate a motor vehicle for a period of \_\_\_\_\_ or until relicensed by the Division of Motor Vehicles, whichever is later.  
Giao bằng lái của bị cáo cho Lục Sự Tòa Thượng Thẩm để chuyển đến/thông báo cho Nha Lộ Vận, và không lái xe có động cơ trong thời gian \_\_\_\_\_ hoặc cho tới khi Nha Lộ Vận phát lại bằng lái, tùy theo thời điểm nào đến sau.
11. Submit at reasonable times to warrantless searches by a probation officer of the defendant's person, and of the defendant's vehicle and premises while the defendant is present, for the following purposes which are reasonably related to the defendant's probation supervision:  
 stolen goods  controlled substances  contraband  child pornography  \_\_\_\_\_  
Vào những lúc hợp lý, đồng ý cho nhân viên quản chế khám xét người cũng như xe cộ và nhà ở của bị cáo mà không cần xin trát lục soát của tòa, miễn là bị cáo có mặt chứng kiến và việc khám xét nhằm vào một trong các mục đích dưới đây có liên quan hợp lý với lệnh quản chế có giám sát:  
 hàng ăn cắp  chất quốc cấm  hàng lậu  tài liệu khiêu dâm trẻ em  \_\_\_\_\_
12. Not use, possess, or control any illegal drug or controlled substance unless it has been prescribed for the defendant by a licensed physician and is in the original container with the prescription number affixed on it; not knowingly associate with any known or previously convicted users, possessors, or sellers of any illegal drugs or controlled substances; and not knowingly be present at or frequent any place where illegal drugs or controlled substances are sold, kept, or used.  
Không sử dụng, chứa chấp hoặc kiểm soát bất kỳ loại ma túy bất hợp pháp hoặc thuốc bị kiểm soát nào trừ phi chất đó được kê toa cho bị cáo bởi một bác sĩ có giấy phép hành nghề và còn chứa đựng trong lọ nguyên thủy với nhãn dán ghi rõ số toa thuốc; không cố ý giao tiếp với bất kỳ người nào đã từng bị kết án hoặc được biết là phạm tội sử dụng, chứa chấp hoặc buôn bán bất kỳ loại ma túy bất hợp pháp hay thuốc bị kiểm soát nào; và không cố ý có mặt hoặc đi lại bất kỳ nơi nào mà ma túy bất hợp pháp hay thuốc bị kiểm soát được bán, chứa hoặc sử dụng.
13. Supply a breath, urine, and/or blood specimen for analysis of the possible presence of a prohibited drug or alcohol, when instructed by the defendant's probation officer.  
Cung cấp mẫu hơi thở, nước tiểu và/hoặc máu để làm xét nghiệm tìm các chất bị cấm như ma túy, thuốc hay rượu bia theo yêu cầu của nhân viên quản chế phụ trách cho bị cáo.
14. Successfully pass the General Education Development Test (G.E.D.) during the first \_\_\_\_\_ months of the period of probation.  
Thi đỗ bài Kiểm Tra Kiến Thức Tổng Quát (G.E.D) trong \_\_\_\_\_ tháng đầu của thời gian quản chế.
15. Complete \_\_\_\_\_ hours of community or reparation service during the first \_\_\_\_\_ days of the period of probation, as directed by the judicial services coordinator and pay the fee prescribed by G.S. 143B-708.  pursuant to the schedule set out under monetary conditions above.  
 within \_\_\_\_\_ days of this Judgment and before beginning service.  
Hoàn tất \_\_\_\_\_ giờ phục vụ cộng đồng hay một chương trình sửa sai trong \_\_\_\_\_ ngày đầu của thời gian quản chế theo hướng dẫn của nhân viên điều phối dịch vụ tòa án, và thanh toán các lệ phí quy định trong G.S. 143B-708  theo lịch được nêu trong mục Các Điều Kiện Về Chi Phí ở trên  trong vòng \_\_\_\_\_ ngày sau ngày ban hành Phán Quyết này và trước khi bắt đầu chương trình phục vụ, sửa sai.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

16. Report for initial evaluation by \_\_\_\_\_, participate in all further evaluation, counseling, treatment, or education programs recommended as a result of that evaluation, and comply with all other therapeutic requirements of those programs until discharged.  
 Trình diện tại \_\_\_\_\_ để tham dự cuộc thẩm định ban đầu, sau đó tham gia vào tất cả các chương trình thẩm định, tư vấn, điều trị hay giáo dục tiếp theo được khuyến nghị căn cứ vào kết quả của cuộc thẩm định đó, và tuân theo tất cả các yêu cầu trị liệu cho tới khi hoàn tất những chương trình đó.
17. Not assault, threaten, harass, be found in or on the premises or workplace of, or have any contact with \_\_\_\_\_.  
 "Contact" includes any defendant-initiated contact, direct or indirect, by any means, including but not limited to, telephone, personal contact, e-mail, pager, gift-giving, telefacsimile machine or through any other person, except \_\_\_\_\_.  
 Không hành hung, hăm dọa, quấy nhiễu, không có mặt trong hoặc xung quanh chỗ ở hay sở làm của và không tiếp xúc bằng bất kỳ cách nào với \_\_\_\_\_. "Tiếp xúc" bao gồm bất kỳ lần liên lạc nào do bị cáo thực hiện, dù là trực tiếp hay gián tiếp, bằng bất kỳ cách nào bao gồm nhưng không giới hạn ở gọi điện thoại, tiếp xúc trực tiếp, qua email, máy nhắn, tặng quà, gửi fax hoặc nhắn tin qua bất kỳ người nào khác, trừ phi \_\_\_\_\_.
18. Other:  
 Điều kiện khác: \_\_\_\_\_
19. Comply with the Special Conditions Of Probation which are set forth on AOC-CR-603A, Page Two.  
 Tuân thủ các Điều Kiện Quản Chế Đặc Biệt được ghi rõ ở Mặt Hai của mẫu AOC-CR-603A.

**ORDER OF COMMITMENT/APEAL ENTRIES**  
**LỆNH GIAM TÙ/CÁC GHI CHÚ VỀ VIỆC KHÁNG CÁO**

1. It is ORDERED that the Clerk deliver **two** certified copies of this Judgment and Commitment to the sheriff or other qualified officer and that the officer cause the defendant to be delivered with these copies to the custody of the agency named on the reverse to serve the sentence imposed or until the defendant shall have complied with the conditions of release pending appeal.  
 Tòa Án RA LỆNH cho Lục Sự giao **hai** bản sao y bản chính của Phán Quyết và Lệnh Giam Tù này cho cảnh sát trưởng quận/hạt hoặc một viên chức có thẩm quyền khác, và ra lệnh cho người đó chuyển bị cáo cùng với các bản sao này đến cơ quan được nêu ở mặt trước để thụ án đã tuyên hoặc cho đến khi bị cáo đáp ứng các điều kiện để được tại ngoại trong thời gian chờ kháng cáo.
2. The defendant gives notice of appeal from the judgment of the District Court to the Superior Court.  
 Bị cáo thông báo sẽ kháng cáo phán quyết của Tòa Án Khu Vực lên Tòa Án Thượng Thẩm.
3. The current pretrial release order is modified as follows:  
 Lệnh tại ngoại chờ xét xử hiện tại được sửa đổi như sau: \_\_\_\_\_
4. The defendant gives notice of appeal from the judgment of the trial court to the Appellate Division. Appeal entries and any conditions of post conviction release are set forth on form AOC-CR-350.  
 Bị cáo thông báo sẽ kháng cáo phán quyết của Tòa Án Sơ Thẩm lên Tòa Án Phúc Thẩm. Các ghi chú về việc kháng cáo và bất kỳ điều kiện nào để được tại ngoại sau khi bị kết án được ghi rõ trên mẫu AOC-CR-350.

**SIGNATURE OF JUDGE**  
**CHỮ KÝ CỦA THẨM PHÁN**

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Name of Presiding Judge (type or print) Tên của Thẩm Phán Chủ Tòa (đánh máy hay viết chữ in)	Signature Of Presiding Judge Chữ ký của Thẩm Phán Chủ Tòa
--	---	--

**CERTIFICATION**  
**CHỨNG NHẬN**

I certify that this Judgment and the attachment(s) marked below is a true and complete copy of the original which is on file in this case.  
 Tôi xác nhận rằng Phán Quyết này, cùng với (các) văn bản đính kèm và đánh dấu dưới đây, đều là các bản sao chính xác và đầy đủ của bản gốc hiện được lưu ở hồ sơ vụ án.

- |  |   |
|--|---|
| <p><input type="checkbox"/> 1. Appellate Entries (AOC-CR-350)<br/>         Các Ghi Chú Về Việc Kháng Cáo (AOC-CR-350)</p> <p><input type="checkbox"/> 2. Judgment Suspending Sentence (AOC-CR-603A, Page Two)<br/>         (additional conditions of probation)<br/>         Phán Quyết Án Treo (Mặt Hai, mẫu AOC-CR-603A)<br/>         (các điều kiện quản chế bổ sung)</p> <p><input type="checkbox"/> 3. Restitution Worksheet, Notice And Order (Initial Sentencing) (AOC-CR-611)<br/>         Bảng Tính Tiền Bồi Thường, Thông Báo và Lệnh (Tuyên Án Lần Đầu)<br/>         (AOC-CR-611)</p> <p><input type="checkbox"/> 4. Judicial Findings As To Required DNA Sample (AOC-CR-319)<br/>         Các Xác Nhận của Tòa Án về Việc Bắt Buộc Lấy Mẫu DNA<br/>         (AOC-CR-319)</p> | <p><input type="checkbox"/> 5. Judicial Findings And Order For Sex Offenders - Suspended Sentence (AOC-CR-615, Side Two)<br/>         Các Xác Nhận và Lệnh của Tòa Án về Người Phạm Tội Tình Dục - Bản Án Treo (AOC-CR-615, Mặt Hai)</p> <p><input type="checkbox"/> 6. Additional File No.(s) And Offense(s) (AOC-CR-626)<br/>         (Các) Số Hồ Sơ và Tội Trạng Bổ Sung (AOC-CR-626)</p> <p><input type="checkbox"/> 7. Other: _____<br/>         Văn bản khác: _____</p> |
|--|---|

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Date Certified Copies Delivered To Sheriff (mm/dd/yyyy) Ngày giao bản sao y bản chính cho cảnh sát trưởng quận/hạt (tháng/ngày/năm)	Signature Of Clerk Chữ ký của Lục Sự
--	--	---

Deputy CSC Phó LSTTT     Asst CSC Phụ Tá LSTTT     Clerk of Superior Court Lục Sự Tòa Thượng Thẩm

**SEAL**  
**ĐÓNG DẤU**

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

INTERMEDIATE PUNISHMENTS  
CÁC HÌNH PHẠT TRUNG CẤP

**NOTE:** Use this page with **AOC-CR-603A**, "Judgment Suspending Sentence - Felony"; **AOC-CR-604A**, "Judgment Suspending Sentence - Misdemeanor"; **AOC-CR-619A**, "Conditional Discharge Under G.S. 90-96(a)"; **AOC-CR-621A**, "Conditional Discharge Under G.S. 14-50.29"; **AOC-CR-627A**, "Conditional Discharge Under G.S. 90-96(a1)"; **AOC-CR-632A**, "Conditional Discharge Under G.S. 15A-1341(a4)"; or **AOC-CR-633A**, "Conditional Discharge Under G.S. 15A-1341(a5)"; for offenses committed before Dec. 1, 2009.

**LƯU Ý:** Sử dụng trang này cùng với **AOC-CR-603A**, "Phán Quyết Án Treo - Tội Đại Hình"; **AOC-CR-604A**, "Phán Quyết Án Treo - Tội Tiểu Hình"; **AOC-CR-619A**, "Xóa Bỏ Bản Án Có Điều Kiện chiếu theo G.S. 90-96(a)"; **AOC-CR-621A**, "Xóa Bỏ Bản Án Có Điều Kiện chiếu theo G.S. 14-50.29"; **AOC-CR-627A**, "Xóa Bỏ Bản Án Có Điều Kiện chiếu theo G.S. 90-96(a1)"; **AOC-CR-632A**, "Xóa Bỏ Bản Án Có Điều Kiện chiếu theo G.S. 15A-1341(a4)"; hoặc **AOC-CR-633A**, "Xóa Bỏ Bản Án Có Điều Kiện chiếu theo G.S.15A-1341(a5)"; dành cho các tội vi phạm trước ngày 1 Tháng Mười Hai năm 2009.

In addition to complying with the regular and any special conditions of probation set forth in the "Judgment Suspending Sentence" entered in the above case(s), the defendant shall also comply with the following special conditions of probation and conditions of special probation, which are defined as intermediate punishments by G.S. 15A-1340.11(6).

Ngoài việc tuân thủ các điều kiện quản chế thông thường và đặc biệt (nếu có) được nêu trong mẫu "Phán Quyết Án Treo" đã ban hành trong (các) vụ án trên, bị cáo còn phải tuân thủ các điều kiện quản chế đặc biệt và điều kiện kết hợp phạt tù và quản chế dưới đây, mà được định nghĩa là các biện pháp trừng phạt trung cấp trong điều G.S. 15A-1340.11(6).

1. Special Probation - G.S. 15A-1351

**Bản Án Kết Hợp Phạt Tù và Quản Chế - G.S. 15A-1351**

For the defendant's active sentence as a condition of special probation, the defendant shall comply with these additional regular conditions of probation: (1) Obey the rules and regulations of the Division of Adult Correction and Juvenile Justice governing the conduct of inmates while imprisoned. (2) Report to a probation officer in the State of North Carolina within seventy-two (72) hours of the defendant's discharge from the active term of imprisonment.

Trong thời gian bị cáo thi hành phần án tù, muốn được cho hưởng phần án quản chế thì bị cáo phải tuân thủ các điều kiện quản chế thông thường bổ sung dưới đây: (1) Tuân theo các quy định và quy chế của Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên về hành vi tù nhân trong suốt thời gian ở tù. (2) Trình diện với một nhân viên quản chế ở Tiểu Bang North Carolina trong vòng bảy mươi hai (72) tiếng sau khi bị cáo hoàn tất phần án tù và được tha tù.

A. Serve an active term of \_\_\_\_\_ days \_\_\_\_\_ months \_\_\_\_\_ hours in the custody of the

N.C. DACJJ.  Sheriff of this County.  Other: \_\_\_\_\_

A. Thi hành án tù là \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ giờ dưới sự quản lý của

Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên của NC.  Cảnh Sát Trưởng Quận/Hạt này.  Nơi khác: \_\_\_\_\_

(NOTE: Noncontinuous periods of special probation may not be served in DACJJ. Also, special probation imposed in misdemeanor sentences on or after Oct. 1, 2014, may not be served in DACJJ.)

(LƯU Ý: Các bản án phạt tù và quản chế trong các khoảng thời gian không liên tiếp không thể được thụ án tại Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên. Thêm vào đó, các bản án tiểu hình kết hợp phạt tù và quản chế được ban hành vào hoặc sau ngày 1 Tháng Mười năm 2014 không được thụ án tại Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên.)

B. The defendant shall report in a sober condition to begin serving his/her term on:

B. Bị cáo phải trình diện trong tình trạng tỉnh táo để bắt đầu thi hành án tù vào:

Day Thứ trong tuần	Date (mm/dd/yyyy) Ngày trong tháng (tháng/ngày/năm)	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM <input type="checkbox"/> Sáng <input type="checkbox"/> PM <input type="checkbox"/> Chiều
--------------------------	---	-------------	---

and shall remain in  
custody until:  
và sẽ tiếp tục ở tù  
cho đến:

Day Thứ trong tuần	Date (mm/dd/yyyy) Ngày trong tháng (tháng/ngày/năm)	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM <input type="checkbox"/> Sáng <input type="checkbox"/> PM <input type="checkbox"/> Chiều
--------------------------	---	-------------	---

C. The defendant shall again report in a sober condition to continue serving this term on the same day of the week for the next \_\_\_\_\_ consecutive weeks, and shall remain in custody during the same hours each week until completion of the active term ordered.

C. Trong \_\_\_\_\_ tuần tiếp theo, bị cáo sẽ trình diện lại vào cùng ngày đó hàng tuần trong tình trạng tỉnh táo để tiếp tục thi hành án tù, và sẽ ở tù theo cùng lịch nêu trên cho tới khi thi hành xong bản án tù đã tuyên.

D. This term shall be served at the direction of the probation officer within \_\_\_\_\_ days \_\_\_\_\_ months of this judgment.

D. Bản án này phải được thi hành theo chỉ thị của nhân viên quản chế trong vòng \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng từ ngày ban hành phán quyết này.

E. Pay jail fees.  F. Work release is recommended.  G. Substance abuse treatment is recommended.

E. Thanh toán các chi phí nhà tù. F. Đề nghị bị cáo tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm. G. Đề nghị bị cáo tham gia chương trình điều trị tình trạng lạm dụng chất gây nghiện.

H. Other:  
H. Điều kiện khác:

2. Residential Program - G.S. 15A-1340.11(8); 15A-1343(b1)(2)

**Chương Trình Nội Trú - G.S. 15A-1340.11(8); 15A-1343(b1)(2)**

Attend or reside in \_\_\_\_\_ (name program) residential program for a period of \_\_\_\_\_ days, \_\_\_\_\_ months, and abide by all rules and after care regulations of that program.

Bị cáo tham gia hoặc ở lại tại chương trình nội trú \_\_\_\_\_ (tên chương trình) trong \_\_\_\_\_

ngày, \_\_\_\_\_ tháng, và tuân thủ tất cả các quy định nội trú cũng như các yêu cầu sau khi hoàn tất quá trình chăm sóc của chương trình đó.

Other:

Điều kiện khác:

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

- 3. House Arrest With Electronic Monitoring - G.S. 15A-1340.11(4a); 15A-1343(b1)(3c)**  
**Quản Thúc Tại Gia Với Thiết Bị Theo Dõi Điện Tử - G.S. 15A-1340.11(4a); 15A-1343(b1)(3c)**  
Be assigned to house arrest with electronic monitoring for a period of \_\_\_\_\_  days,  months, and submit to electronic monitoring and abide by all rules, regulations, and directions of the probation officer, regarding electronic monitoring, and pay the fees prescribed under G.S. 15A-1343(c2) pursuant to the schedule set out under Monetary Conditions.  
Bị cáo được chỉ định vào chương trình quản thúc tại gia với thiết bị theo dõi điện tử và ở nguyên trong nhà của mình trong thời gian \_\_\_\_\_  ngày  tháng. Bị cáo đồng ý sử dụng thiết bị theo dõi, tuân theo tất cả các quy định, quy chế và hướng dẫn của nhân viên quản chế liên quan đến việc theo dõi, và thanh toán các lệ phí quy định trong G.S. 15A-1343(c2) theo lịch được nêu trong mục Các Điều Kiện Về Chi Phí.  
Other:  
Điều kiện khác:
- 4. Intensive Supervision Program - G.S.15A-1340.11(5); 15A-1343(b1)(3b); 143B-704(c)**  
**Chương Trình Giám Sát Tập Trung - G.S. 15A-1340.11(5); 15A-1343(b1)(3b); 143B-704(c)**  
Submit to supervision by officers assigned to the Intensive Probation Program established pursuant to G.S. 143B-704(c), for a period of \_\_\_\_\_ months (6 to 9 months recommended by the Section of Community Corrections), and comply with the rules adopted by that program.  
Bị cáo đồng ý chịu sự giám sát của các nhân viên được chỉ định vào Chương Trình Giám Sát Tập Trung được thành lập chiếu theo G.S. 143B-704(c) trong thời gian \_\_\_\_\_ tháng (Phân Bộ Cải Huấn Tại Ngoại đề nghị 6 đến 9 tháng), và tuân thủ các quy định của chương trình đó.  
Other:  
Điều kiện khác:
- 5. Day Reporting Center - G.S. 15A-1340.11(3); 15A-1343(b1)(10); 15A-1340.11(6)**  
**Trung Tâm Trình Diện Định Kỳ - G.S. 15A-1340.11(3); 15A-1343(b1)(10); 15A-1340.11(6)**  
Report as directed by the probation officer to the Day Reporting Center for a period of \_\_\_\_\_  days,  months, and abide by all rules and regulations of that program.  
Bị cáo trình diện tại Trung Tâm Trình Diện Định Kỳ theo chỉ thị của nhân viên quản chế trong \_\_\_\_\_  ngày  tháng, và tuân theo tất cả các điều lệ, quy định khác của chương trình này.  
Other:  
Điều kiện khác:
- 6. Drug Treatment Court G.S. 15A-1340.11(3a); 15A-1340.11(6)**  
**Tòa Án Phán Quyết Điều Trị Nghiện Ma Túy - G.S. 15A-1340.11(3a); 15A-1340.11(6)**  
Comply with the rules adopted for the program as provided for in Article 62 of Chapter 7A of the General Statutes and report on a regular basis for a specified time to participate in court supervision, drug screening, or testing, and drug or alcohol treatment programs.  
Bị cáo tuân thủ các quy định của chương trình này được nêu trong Điều 62, Chương 7A của Bộ Luật Chung, và trình diện định kỳ trong thời gian chỉ định để được Tòa Án theo dõi, thực hiện xét nghiệm hoặc kiểm tra sàng lọc ma túy, và tham gia các chương trình cai nghiện ma túy hoặc rượu bia.  
Other:  
Điều kiện khác:

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.  
(Xem mặt sau)

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

**MANDATORY SPECIAL CONDITIONS FOR SEX OFFENDERS AND PERSONS CONVICTED OF OFFENSES INVOLVING PHYSICAL, MENTAL, OR SEXUAL ABUSE OF A MINOR - G.S. 15A-1343(b2)**  
**CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẶC BIỆT BẮT BUỘC ÁP DỤNG CHO NHỮNG NGƯỜI PHẠM TỘI TÌNH DỤC VÀ NGƯỜI BỊ KẾT ÁN TỘI TRẠNG LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC LẠM DỤNG MỘT TRẺ VỊ THÀNH NIÊN VỀ MẶT THỂ CHẤT, TÂM LÝ HOẶC TÌNH DỤC - G.S. 15A-1343(b2)**

**NOTE:** The following are not defined as intermediate punishments under G.S. 15A-1340.11(6).

**LƯU Ý:** Các điều kiện dưới đây không phải là hình phạt trung cấp như được định nghĩa trong G.S. 15A-1340.11(6).

**NOTE:** Select **only one** of the three sets of conditions below.

**LƯU Ý:** Chỉ chọn một trong ba nhóm điều kiện dưới đây.

**1. Special Conditions For Reportable Convictions - G.S. 15A-1343(b2)**

**Các Điều Kiện Đặc Biệt Dành Cho Những Bản Án Cần Báo Cáo - G.S. 15A-1343(b2)**

**NOTE:** Impose only for a reportable conviction under G.S. 14-208.6

**LƯU Ý:** Chỉ áp dụng các điều kiện này cho những người bị kết án tội thuộc diện cần báo cáo theo G.S. 14-208.6.

The defendant has been convicted of an offense which is a reportable conviction as defined in G.S. 14-208.6(4) and must

Bị cáo bị kết án tội thuộc diện cần báo cáo theo định nghĩa trong điều G.S. 14-208.6(4) và do đó phải:

- Register as a sex offender and enroll in satellite-based monitoring if required on the attached AOC-CR-615, Side Two.  
a. Đăng ký vào danh sách những người phạm tội tình dục và ghi danh vào chương trình theo dõi bằng vệ tinh nếu được yêu cầu ở Mặt Hai của mẫu AOC-CR-615 được đính kèm.
- Participate in such evaluation and treatment as is necessary to complete a prescribed course of psychiatric, psychological, or other rehabilitative treatment as ordered by the court.  
b. Tham gia vào các buổi thẩm định và điều trị cần thiết để hoàn tất chương trình điều trị tâm lý, tâm thần hoặc liệu pháp phục hồi khác được chỉ định trong lệnh Tòa Án.
- Not communicate with, be in the presence of, or found in or on the premises of the victim of the offense.  
c. Không giao tiếp, hiện diện trước mặt hoặc bị tìm thấy ở trong hoặc xung quanh chỗ của nạn nhân trong vụ án này.

d. (if the Court finds physical, mental, or sexual abuse of a minor) Not reside in a household with

d. (nếu Tòa Án xác nhận rằng một trẻ vị thành niên đã bị lạm dụng về mặt thể chất, tâm lý hoặc tình dục) Không sống chung nhà với

(1) (for sexual abuse) any minor child.

(1) (đối với các trường hợp lạm dụng tình dục) bất kỳ trẻ vị thành niên nào

(2) (for physical or mental abuse) any minor child  other than the child(ren) named below, for whom the court expressly finds that it is unlikely that the defendant's harmful or abusive conduct will recur and that it would be in the best interest of the child(ren) named below to reside in the same household with the probationer. (Name minor child(ren) with whom the probationer may reside in the same household): \_\_\_\_\_

(2) (đối với các trường hợp lạm dụng về mặt thể chất hay tâm lý) bất kỳ trẻ vị thành niên nào  trừ (các) trẻ được ghi tên dưới đây, vì Tòa Án đã xác nhận rõ ràng hành vi có hại hoặc lạm dụng của bị cáo gần như chắc chắn sẽ không tái diễn và điều có lợi ích tốt nhất cho (các) trẻ em có tên dưới đây là được ở chung nhà với người chịu lệnh quản chế. (Cho biết tên của (các) trẻ vị thành niên mà người chịu lệnh quản chế có thể sống chung nhà): \_\_\_\_\_

e. Submit at reasonable times to warrantless searches by a probation officer of the defendant's person, of the defendant's vehicle and premises, and of the defendant's computer or other electronic mechanism which may contain electronic data, while the defendant is present, for the following purposes which are reasonably related to the defendant's probation supervision:  child pornography

\_\_\_\_\_  
e. Vào những thời điểm hợp lý, đồng ý cho nhân viên quản chế khám xét người, xe cộ, nhà ở, máy tính hoặc các thiết bị điện tử khác có thể chứa dữ liệu điện tử của bị cáo mà không cần xin trát khám xét của tòa, miễn là bị cáo có mặt chứng kiến và việc khám xét nhằm các mục đích sau đây có liên quan hợp lý đến việc giám sát bị cáo trong thời gian quản chế:  tìm tài liệu khiêu dâm trẻ em

\_\_\_\_\_

f. Other:

f. Điều kiện khác:

**2. Special Conditions For Offenses Involving The Sexual Abuse Of A Minor - G.S. 15A-1343(b2)**

**Các Điều Kiện Đặc Biệt Dành Cho Người Phạm Tội Liên Quan Đến Việc Lạm Dụng Tình Dục Một Trẻ Vị Thành Niên - G.S. 15A-1343(b2)**

**NOTE:** Impose if offense involved sexual abuse of a minor but is **not** a reportable conviction.

**LƯU Ý:** Áp dụng các điều kiện này nếu tội trạng liên quan đến việc lạm dụng tình dục một trẻ vị thành niên nhưng không thuộc diện phải báo cáo.

The defendant has been convicted of an offense involving the sexual abuse of a minor and must

Bị cáo bị kết án tội liên quan đến việc lạm dụng tình dục một trẻ vị thành niên và do đó phải:

- Participate in such evaluation and treatment as is necessary to complete a prescribed course of psychiatric, psychological, or other rehabilitative treatment as ordered by the court.  
a. Tham gia vào các buổi thẩm định và điều trị cần thiết để hoàn tất chương trình điều trị tâm lý, tâm thần hoặc liệu pháp phục hồi khác được chỉ định trong lệnh Tòa Án.

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Xem mặt sau)

- b. Not communicate with, be in the presence of, or found in or on the premises of the victim of the offense.
- b. Không giao tiếp, hiện diện trước mặt hoặc bị tìm thấy ở trong hoặc xung quanh chỗ của nạn nhân trong vụ án này.
- c. Not reside in a household with any minor child. (G.S. 15A-1343(b2)(4))
- c. Không sống chung nhà với bất kỳ trẻ vị thành niên nào. (G.S. 15A-1343(b2)(4))
- d. Submit at reasonable times to warrantless searches by a probation officer of the defendant's person, of the defendant's vehicle and premises, and of the defendant's computer or other electronic mechanism which may contain electronic data, while the defendant is present, for the following purposes which are reasonably related to the defendant's probation supervision:  child pornography  
 \_\_\_\_\_
- d. Vào những thời điểm hợp lý, đồng ý cho nhân viên quản chế khám xét người, xe cộ, nhà ở, máy tính hoặc các thiết bị điện tử khác có thể chứa dữ liệu điện tử của bị cáo mà không cần xin trát khám xét của tòa, miễn là bị cáo có mặt chứng kiến và việc khám xét nhằm các mục đích sau đây có liên quan hợp lý đến việc giám sát bị cáo trong thời gian quản chế:  tìm tài liệu khiêu dâm trẻ em  
 \_\_\_\_\_
- e. Other:  
 e. Điều kiện khác:

**3. Special Conditions For Offenses Involving The Physical Or Mental Abuse Of A Minor - G.S. 15A-1343(b2)**  
**Các Điều Kiện Đặc Biệt Dành Cho Người Phạm Tội Liên Quan Đến Việc Lạm Dụng Một Trẻ Vị Thành Niên Về Mặt Thể Chất hay Tâm Lý - G.S. 15A-1343(b2)**

**NOTE:** *Impose if offense involved physical or mental abuse of a minor but is not a reportable conviction and did not involve sexual abuse.*

**LƯU Ý:** *Áp dụng các điều kiện này nếu tội trạng liên quan đến việc lạm dụng về mặt thể chất hay tâm lý một trẻ vị thành niên nhưng không thuộc diện phải báo cáo và không liên quan đến việc lạm dụng tình dục.*

The defendant has been convicted of an offense involving the physical or mental abuse of a minor and must

Bị cáo bị kết án tội liên quan đến việc lạm dụng về mặt thể chất hay tâm lý một trẻ vị thành niên và do đó phải:

- a. Participate in such evaluation and treatment as is necessary to complete a prescribed course of psychiatric, psychological, or other rehabilitative treatment as ordered by the court.
- a. Tham gia vào các buổi thẩm định và điều trị cần thiết để hoàn tất chương trình điều trị tâm lý, tâm thần hoặc liệu pháp phục hồi khác được chỉ định trong lệnh Tòa Án.
- b. Not communicate with, be in the presence of, or found in or on the premises of the victim of the offense.
- b. Không giao tiếp, hiện diện trước mặt hoặc bị tìm thấy ở trong hoặc xung quanh chỗ của nạn nhân trong vụ án này.
- c. Not reside in a household with
- c. Không sống chung nhà với
- (1) any minor child.  
 (1) bất kỳ trẻ vị thành niên nào.
- (2) any minor child other than the child(ren) named below, for whom the court expressly finds that it is unlikely that the defendant's harmful or abusive conduct will recur and that it would be in the best interest of the child(ren) named below to reside in the same household with the probationer. *(Name minor child(ren) with whom the probationer may reside in the same household):*  
 \_\_\_\_\_
- (2) bất kỳ trẻ vị thành niên nào, trừ (các) trẻ được ghi tên dưới đây, vì Tòa Án đã xác nhận rõ ràng hành vi có hại hoặc lạm dụng của bị cáo gần như chắc chắn sẽ không tái diễn và điều có lợi ích tốt nhất cho (các) trẻ em có tên dưới đây là được ở chung nhà với người chịu lệnh quản chế. *(Cho biết tên của (các) trẻ vị thành niên mà người chịu lệnh quản chế có thể sống chung nhà):*  
 \_\_\_\_\_
- d. Submit at reasonable times to warrantless searches by a probation officer of the defendant's person, of the defendant's vehicle and premises, and of the defendant's computer or other electronic mechanism which may contain electronic data, while the defendant is present, for the following purposes which are reasonably related to the defendant's probation supervision:  child pornography  
 \_\_\_\_\_
- d. Vào những thời điểm hợp lý, đồng ý cho nhân viên quản chế khám xét người, xe cộ, nhà ở, máy tính hoặc các thiết bị điện tử khác có thể chứa dữ liệu điện tử của bị cáo mà không cần xin trát khám xét của tòa, miễn là bị cáo có mặt chứng kiến và việc khám xét nhằm các mục đích sau đây có liên quan hợp lý đến việc giám sát bị cáo trong thời gian quản chế:  tìm tài liệu khiêu dâm trẻ em.  
 \_\_\_\_\_
- e. Other:  
 e. Điều kiện khác:

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.  
 (Xem mặt sau)



STATE VERSUS  
TIỂU BANG CHỐNG LẠI

File No.  
Số Hồ Sơ

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

ADDITIONAL CONDITIONS FOR DOMESTIC VIOLENCE  
CÁC ĐIỀU KIỆN BỔ SUNG CHO CÁC TRƯỜNG HỢP BẠO LỰC TRONG GIA ĐÌNH

1. Pursuant to its finding that the defendant is responsible for acts of domestic violence, the Court further finds that:  
Sau khi xác nhận rằng bị cáo đã có hành vi bạo lực trong gia đình, Tòa Án xác nhận tiếp rằng:
- a. there is an abuser treatment program, approved by the Domestic Violence Commission, reasonably available to the defendant, who shall:  
a. có sẵn một chương trình điều trị người bạo hành được Ủy Ban Xóa Nạn Bạo Lực Gia Đình chấp thuận và tương đối thuận tiện cho bị cáo tham gia, do đó bị cáo phải:
- (1) (for supervised probation) attend and complete (check one)  (program name) \_\_\_\_\_  
 a program to be identified by the probation officer, and abide by the program's rules. The probation officer shall send a copy of this judgment to the program, which shall notify the officer if the defendant fails to participate or is discharged for violating any of its rules.  
(1) (đối với các trường hợp quản chế có giám sát) tham gia và hoàn tất (đánh dấu một)  (tên chương trình) \_\_\_\_\_  
 một chương trình do nhân viên quản chế chỉ định, và tuân thủ tất cả các quy định của chương trình đó. Nhân viên quản chế sẽ gửi một bản sao của phán quyết này đến chương trình nêu trên, và nơi đó sẽ thông báo cho nhân viên quản chế biết nếu bị cáo không tham gia hoặc bị đuổi ra khỏi chương trình vì vi phạm quy định.
- (2) (for unsupervised probation) attend and complete (check one)  (program name) \_\_\_\_\_  
 a program chosen by the defendant, who shall notify the program and the district attorney of that choice within ten (10) days of the entry of this judgment, and abide by the program's rules. The district attorney shall send a copy of this judgment to the program, which shall notify the district attorney if the defendant fails to participate or is discharged for failure to comply with the program or its rules.  
(2) (đối với các trường hợp quản chế không có giám sát) tham gia và hoàn tất (đánh dấu một)  (tên chương trình) \_\_\_\_\_  
 một chương trình do bị cáo chọn. Bị cáo phải thông báo cho chương trình và công tố viên quận/hạt về lựa chọn của mình trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày ban hành phán quyết này, và phải tuân thủ tất cả các quy định của chương trình đó. Công tố viên quận/hạt sẽ gửi một bản sao của phán quyết này đến chương trình nêu trên, và nơi đó sẽ thông báo cho công tố viên biết nếu bị cáo không tham gia hoặc bị đuổi ra khỏi chương trình vì không hợp tác với nhân viên hoặc vi phạm quy định.
- b. there is no approved abuser treatment program reasonably available.  c. it would not be in the best interests of justice to order the defendant to complete an abuser treatment program because \_\_\_\_\_  
b. không có chương trình điều trị người bạo hành nào được chấp thuận và tương đối thuận tiện cho bị cáo tham gia.  c. việc ra lệnh cho bị cáo hoàn tất một chương trình điều trị người bạo hành không phải là cách tốt nhất để thực thi công lý bởi vì \_\_\_\_\_
2. As additional Special Conditions of Probation, the defendant shall:  
Theo các Điều Kiện Quản Chế Đặc Biệt bổ sung, bị cáo phải:
- a. not come within \_\_\_\_\_ feet of \_\_\_\_\_ at any time.  
a. không được có mặt trong vòng \_\_\_\_\_ feet gần \_\_\_\_\_ vào bất kỳ lúc nào.
- b. comply fully with any G.S. Chapter 50B Domestic Violence Protective Order in effect.  
b. tuân thủ đầy đủ bất kỳ Lệnh Bảo Vệ Vi Bạo Lực Gia Đình nào theo G.S. Chương 50B hiện có hiệu lực.

The above conditions are incorporated in the "Judgment Suspending Sentence" in the above case(s) and made a part thereof.

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Name of Presiding Judge (type or print)  
Tên của Thẩm Phán Chủ Tọa (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of Presiding Judge  
Chữ ký của Thẩm Phán Chủ Tọa

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

(Over)

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.  
(Xem mặt sau)

STATE OF NORTH CAROLINA  
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.  
Số Hồ Sơ:

In The General Court Of Justice  
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý

District  Superior Court Division  
Phân Bộ Tòa Án  Khu Vực  Thượng Thẩm

\_\_\_\_\_ County  
Quận/hạt \_\_\_\_\_

STATE VERSUS  
TIỂU BANG CHỐNG LẠI

ADDITIONAL FILE NO.(S) AND OFFENSE(S)  
(CÁC) SỐ HỒ SƠ VÀ/HOẶC TỘI TRẠNG BỔ SUNG

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

**NOTE:** Use this page in conjunction with all NCAOC judgment or probationary forms, to list additional offenses of conviction, deferred prosecution, or conditional discharge addressed in the court's order. There are no A,B,C,D, or other variations of this form, so this page can be used to continue an offense list from any of the related forms, for any date(s) of offense or conviction.

**LƯU Ý:** Sử dụng trang này cùng với tất cả các mẫu phán quyết hoặc mẫu quản chế của NCAOC để ghi thêm các vi phạm đã kết án cũng như các biện pháp hoãn tố hoặc xóa bỏ bản án có điều kiện được nêu trong lệnh của Tòa Án. Mẫu này không có phiên bản A, B, C, D, hoặc bất kỳ phiên bản nào khác, do vậy trang này có thể được sử dụng cùng với bất kỳ mẫu liên quan nào để tiếp tục liệt kê các vi phạm xảy ra vào bất cứ ngày vi phạm hoặc ngày kết án nào.

File No.(s) (Các) Số hồ sơ	Off. Vi phạm	Offense Description Miêu tả vi phạm	Offense Date (mm/dd/yyyy) Ngày vi phạm (tháng/ngày/năm)	G.S. No. Số G.S.	F/M DH/TH	CL. Bậc tội	*Pun. CL. *Bậc hình phạt

\*NOTE: Enter punishment class if different from underlying offense class (punishment class represents a status or enhancement).

\*LƯU Ý: Ghi bậc hình phạt nếu khác với bậc tội đã kết án (bậc hình phạt được áp dụng khi có tình trạng đặc biệt hoặc tình tiết tăng mức phạt).

(Over)  
(Xem mặt sau)

		ADDITIONAL FILE NO.(S) AND OFFENSE(S) (CÁC) SỐ HỒ SƠ VÀ/HOẶC TỘI TRẠNG BỔ SUNG					
File No.(s) (Các) Số hồ sơ	Off. Vi phạm	Offense Description Miêu tả vi phạm	Offense Date (mm/dd/yyyy) Ngày vi phạm (tháng/ngày/năm)	G.S. No. Số G.S.	F/M DH/TH	CL. Bậc tội	*Pun. CL. *Bậc hình phạt

VUI LÒNG ĐIỀN VÀO PHIÊN BẢN TIẾNG ANH CỦA MẪU NÀY

**\*NOTE:** Enter punishment class if different from underlying offense class (punishment class represents a status or enhancement).

**\*LƯU Ý:** Ghi bậc hình phạt nếu khác với bậc tội đã kết án (bậc hình phạt được áp dụng khi có tình trạng đặc biệt hoặc tình tiết tăng mức phạt).